

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÌNH LẬP
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10-6-2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lành Thị Vệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mã Thị Hiền;

Ông Nông Văn Thắng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Minh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Ông Ma Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị N, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Hiệu N, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019 chị Triệu Thị N và anh Đặng Hiệu N được hai bên gia đình mai mối và tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Mặc dù không được tìm hiểu nhau trước đó nhưng khi được mai mối hai anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân, không ai ép buộc. Ngày 19/8/2019 chị Triệu Thị N và anh Đặng Hiệu N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Sau khi kết hôn hai vợ chồng chị Triệu Thị N sống cùng bố mẹ chồng ở xóm Khe Noong, Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng có những mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống nhưng hai vợ chồng đã tự hàn gắn lại tình cảm với nhau. Khoảng năm 2020 anh Đặng Hiệu N gây thương tích cho người khác và bị kết án 3 năm tù. Trong thời gian anh Đặng Hiệu N đi chấp hành án, chị Triệu Thị N vẫn ở cùng bố mẹ chồng khoảng 1 năm thì chị Triệu Thị N xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và đã được bố mẹ chồng đồng ý. Đến tháng 4 năm 2022 anh Đặng Hiệu N được giảm án và trở về địa phương khi đó chị Triệu Thị N lại quay về chung sống cùng với chồng và gia đình nhà chồng. Sau khi chung sống cùng nhau được khoảng 1, 2 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng có quan điểm sống khác nhau dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ngoài ra anh Đặng Hiệu N cũng hay tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị Triệu Thị N cho rằng đã chờ đợi anh Đặng Hiệu N đi chấp hành án hơn 2 năm nhưng khi trở về anh Đặng Hiệu N có nhiều thay đổi nên cảm thấy cuộc sống tù túng, bế tắc. Đến tháng 8 năm 2022 sau khi hai vợ chồng cãi chửi nhau, chị Triệu Thị N đã trở về nhà mẹ đẻ để sinh sống và đã ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau. Chị Triệu Thị N xác định hiện nay không còn tình cảm gì với anh Đặng Hiệu N nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đặng Hiệu N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh ở nơi cư trú của anh Đặng Hiệu N thể hiện: Anh Hiệu Ngân trú tại Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn kết hôn với chị Triệu Thị N từ năm 2019. Năm 2020 anh Đặng Hiệu N vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án. Sau đó chị Triệu Thị N cũng về trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Sau khi Đặng Hiệu N chấp hành án trở về chị Triệu Thị N có về sinh sống với anh Đặng Hiệu N một thời gian ngắn, sau đó lại trở về sinh sống với bố mẹ đẻ ở huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết bản tự khai, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích, đánh giá nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51,

Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn chị Triệu Thị N, xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Đặng Hiệu N. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình lấy lời khai ông Đặng Văn Thành là bố của Đặng Hiệu N có yêu cầu chị Triệu Thị N phải trả số tiền sinh lễ 40.000.000 đồng, tuy nhiên ông Đặng Văn Thành không phải là đương sự trong vụ án nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Triệu Thị N yêu cầu ly hôn với anh Đặng Hiệu N nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đặng Hiệu N cư trú tại: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đặng Hiệu N cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án hành tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Đặng Hiệu N, không tiến hành hòa giải được về yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị N. Phiên tòa mở lần thứ hai, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, trong đó, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị N và anh Đặng Hiệu N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 19 tháng 8 năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc nên quan hệ hôn nhân của chị Triệu Thị N và anh Đặng Hiệu N là hợp pháp. Sau khi kết hôn khoảng 01 năm thì anh Đặng Hiệu N vi phạm pháp luật hình sự phải đi chấp hành án và trong thời gian đó chị Triệu Thị N vẫn chờ đợi anh Đặng Hiệu N trở về để cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, sau khi chấp hành án trở về vợ chồng chung sống với nhau trong thời gian ngắn thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có quan điểm sống khác nhau, không có tiếng nói chung và anh Đặng Hiệu N cũng hay tụ tập bạn bè, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 8/2022 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải nhưng anh Đặng Hiệu N không đến, điều đó thể hiện anh Đặng Hiệu N không mong muốn hàn gắn lại cuộc hôn nhân này. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị

Triệu Thị N và anh Đặng Hiệu N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Không có.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Quá trình giải quyết vụ án ông Đặng Văn T (bố của Đặng Hiệu N) có yêu cầu chị Triệu Thị N trả số tiền sinh lễ 40.000.000 đồng, tuy nhiên ông Đặng Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng và không thực hiện các thủ tục yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Triệu Thị N. Xử cho chị Triệu Thị N được ly hôn với anh Đặng Hiệu N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 11, ngày 19/8/2019 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Triệu Thị N đã nộp đủ số tiền 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002766, ngày 12/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lành Thị Vệ